

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2024 thị trấn Phú Mỹ

Căn cứ Kế hoạch số 1537/KH-UBND ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh An Giang năm 2024;

UBND thị trấn Phú Mỹ báo cáo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của thị trấn năm 2024, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Thực hiện Kế hoạch số 488/KH-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh An Giang năm 2024; Căn cứ Kế hoạch số 1537/KH-UBND ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh An Giang năm 2024. UBND thị trấn xây dựng và triển khai Kế hoạch số 673/KH-UBND ngày 25/7/2024 của UBND thị trấn Phú Mỹ về việc thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) trên địa bàn thị trấn năm 2024.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tham gia của người dân ở cấp cơ sở (5 điểm):

- Tri thức công dân: (0.5 điểm)

- + Tỷ lệ người dân biết về Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở (90%).
- + Tỷ lệ người dân biết khẩu hiệu “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” (96%).
- + Tỷ lệ người dân nêu đúng thời hạn nhiệm kỳ của vị trí trưởng khóm, ấp là 2,5 năm (90%).

- Cơ hội tham gia dân chủ cơ sở: (2 điểm).

- + Tỷ lệ người dân đã tham gia bầu cử đại biểu HĐND lần gần đây nhất (100%).

+ Tỷ lệ người dân đã tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội lần gần đây nhất (100%).

+ Tỷ lệ người dân đã tham gia buổi bầu cử trưởng khóm, ấp lần gần đây nhất (100%).

+ Tỷ lệ người dân trực tiếp bầu trưởng khóm, ấp (100%).

- Chất lượng bầu cử: (2 điểm)

+ Tỷ lệ người dân cho biết có từ hai ứng cử viên trở lên để dân bầu trưởng khóm, ấp (100%).

+ Tỷ lệ người dân cho biết gia đình được mời đi bầu trưởng khóm, ấp (100%).

+ Tỷ lệ người dân cho biết biết hình thức bầu trưởng khóm, ấp là bỏ phiếu kín (100%).

+ Tỷ lệ người dân cho biết kết quả bầu cử trưởng khóm, ấp được niêm yết công khai (100%).

+ Tỷ lệ người dân cho biết họ đã bầu cho người đã trúng cử (100%).

- Đóng góp tự nguyện: (0.5 điểm)

+ Tỷ lệ người dân cho biết đã đóng góp tự nguyện cho một công trình công cộng nơi sinh sống (100%).

+ Tỷ lệ người dân cho biết Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban giám sát đầu tư cộng đồng giám sát việc xây mới/tu sửa công trình (95%).

+ Tỷ lệ người dân cho biết đóng góp của họ được ghi chép vào sổ sách của thị trấn (95%).

+ Tỷ lệ người dân cho biết đã tham gia vào việc quyết định xây mới/tu sửa công trình công cộng ở thị trấn (95%).

+ Tỷ lệ người dân cho biết có tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thiết kế để xây mới/tu sửa công trình (75%).

2. Công khai trong việc quyết định ở địa phương: (5.5 điểm)

- Danh sách hộ nghèo: (1.5 điểm)

+ Danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng qua (100%).

+ Có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo (0% người dân cho là đúng).

+ Có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo (0% người dân cho là đúng).

- Ngân sách cấp xã: (2 điểm)

+ Thu chi ngân sách của thị trấn được công bố công khai (100%).

+ Người dân đã từng đọc bảng kê thu chi ngân sách (80%).

+ Người dân tin vào tính chính xác của thông tin về thu chi ngân sách đã công bố (85%).

- Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất, khung giá đất: (2 điểm)

+ Được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của thị trấn (80%).

+ Có dịp góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thị trấn (75%).

+ Chính quyền địa phương đã tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (75%).

+ Ảnh hưởng của kế hoạch/quy hoạch sử dụng đất tới hộ gia đình (60% chọn 3 = có lợi).

+ Hộ gia đình không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây (80%).

+ Hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường (80%).

+ Khi bị thu hồi đất, gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất (80%).

+ Đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu (80%).

+ Biết nơi cung cấp thông tin bảng giá đất được chính thức ban hành ở địa phương (80%).

3. Trách nhiệm giải trình với người dân: (5.5 điểm)

- Mức độ và hiệu quả tiếp xúc với chính quyền: (2 điểm)

+ Liên hệ với trưởng khóm/Tổ trưởng để giải quyết khúc mắc (100%)

+ Liên hệ cán bộ thị trấn để giải quyết khúc mắc (100%).

+ Cuộc gặp với trưởng khóm/Tổ trưởng để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt (95%).

+ Cuộc gặp với cán bộ thị trấn để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt (100%).

+ Góp ý xây dựng với chính quyền (85%).

+ Việc góp ý xây dựng với chính quyền đem lại kết quả tốt (85%).

- Ban Thanh tra nhân dân: (1.5 điểm)

+ Thị trấn có Ban Thanh tra nhân dân (100%).

+ Ban Thanh tra nhân dân được nhân dân bầu (100%).

+ Ban Thanh tra nhân dân hoạt động có hiệu quả (90%).

- Ban Giám sát đầu tư cộng đồng: (2 điểm)

+ Thị trấn đã có Ban Giám sát đầu tư cộng đồng (100%).

+ Ban Giám sát đầu tư cộng đồng hoạt động có hiệu quả (90%).

4. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công: (7.5 điểm)

- Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương: (2 điểm)

+ Cán bộ chính quyền không dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng (100% đồng ý).

+ Người dân không phải chi thêm tiền để được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (100% đồng ý).

+ Người dân không chi thêm tiền để nhận được giấy phép xây dựng (100% đồng ý).

+ Tỷ lệ người dân cho biết đã phải đưa thêm tiền ngoài quy định để làm thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (0%).

+ Số tiền ngoài quy định đã phải chi để làm xong thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (0 VNĐ).

- Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công: (2 điểm)

+ Người dân không phải chi thêm tiền để được quan tâm hơn khi đi khám chữa bệnh (100% đồng ý).

+ Phụ huynh học sinh tiểu học không phải chi thêm tiền để con em được quan tâm hơn (100% đồng ý).

+ Số người cho biết đã phải đưa thêm tiền ngoài quy định cho y, bác sĩ (0%).

+ Số tiền ngoài quy định đã phải chi cho y, bác sĩ (0 VNĐ).

+ Số tiền ngoài quy định đã phải chi “bồi dưỡng” giáo viên hay ban giám hiệu nhà trường (0 VNĐ).

- Công bằng cơ hội trong việc làm tại khu vực công: (2 điểm)

+ KHÔNG phải đưa tiền “lót tay” để xin được việc làm trong cơ quan nhà nước (10% đồng ý).

+ Số vị trí mà trong đó mỗi quan hệ cá nhân với người có chức quyền là quan trọng khi xin vào làm 1 trong số 5 vị trí được hỏi. (1 = Địa chính 8; 2=Tur pháp 9; 3 = Công an thị trấn 9; 4 = Giáo viên 9; 5 = VP - TK 9)

- Quyết tâm chống tham nhũng: (1.5 điểm)

+ Tỷ lệ người dân cho biết không bị vòi vĩnh đòi hối lộ trong 12 tháng vừa qua (97%).

+ Tỷ lệ người dân biết về Luật Phòng chống tham nhũng (90%).

+ Tỷ lệ người dân cho biết chính quyền tỉnh/thành phố đã xử lý nghiêm túc vụ việc tham nhũng ở địa phương (85%).

+ Mức tiền đòi hối lộ người dân bắt đầu tố cáo (trên 1 triệu đồng).

+ Người bị vòi vĩnh đã tố cáo hành vi đòi hối lộ (0%).

5. Thủ tục hành chính: (7.5 điểm)

- Dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền địa phương: (2 điểm)

+ Tỷ lệ người dân đã đi lấy chứng thực, xác nhận của chính quyền địa phương trong 12 tháng qua (100%).

+ Tỷ lệ người dân cho rằng dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền (100%).

- Thủ tục xin cấp Giấy phép xây dựng: (2 điểm)

+ Tỷ lệ hộ gia đình đã làm thủ tục xin cấp phép xây dựng (100%).

+ Không phải đi qua nhiều ‘cửa’ để làm thủ tục xin cấp phép xây dựng (100%).

+ Chất lượng dịch vụ hành chính về giấy phép xây dựng (100%).

- Thủ tục liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: (2 điểm)

+ Tỷ lệ hộ gia đình đã làm thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (90%).

+ Không phải đi qua nhiều ‘cửa’ để làm xong thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (100%).

+ Chất lượng dịch vụ hành chính về thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (95%).

- Thủ tục hành chính được cấp ở cấp xã: (1.5 điểm)

+ Tỷ lệ người dân đã đi làm > 1 loại thủ tục được hỏi ở UBND xã (90%).

+ Không phải đi qua nhiều ‘cửa’ để làm xong thủ tục (100%).

+ Tổng chất lượng dịch vụ hành chính của UBND xã (100%).

6. Cung ứng dịch vụ công: (7.5 điểm)

- Y tế công: (2 điểm)

+ Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế (86,67%).

+ Tác dụng của thẻ bảo hiểm y tế (4 = Có tác dụng rất tốt).

+ Dịch vụ khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi (5 = Rất tốt).

+ Tỷ lệ người dân cho biết người nghèo được hỗ trợ để mua bảo hiểm y tế (100%).

+ Trẻ em dưới 6 tuổi được miễn phí khám chữa bệnh (100%).

+ Tổng chất lượng bệnh viện tuyến huyện (90%).

- Giáo dục tiểu học công lập: (2 điểm)

+ Quãng đường đi bộ tới trường (1.2 km - theo giá trị trung vị).

+ Quãng thời gian tới trường (10 Phút - theo giá trị trung vị).

+ Nhận xét về chất lượng dạy học của trường tiểu học công lập (5 = Rất tốt).

+ Tổng chất lượng trường tiểu học tại địa bàn xã (Nhìn chung hài lòng với chất lượng trường tiểu học tại địa bàn xã).

- Cơ sở hạ tầng căn bản: (2 điểm)

+ Tỷ lệ hộ gia đình đã dùng điện lưới (100%).

+ Loại đường giao thông gần hộ gia đình nhất (95% 4 = Đường trải nhựa).

+ Mức độ thường xuyên của dịch vụ thu gom rác thải của chính quyền địa phương (4 = Hàng ngày).

+ Tỷ lệ hộ gia đình dùng nước máy là nguồn nước ăn uống chính (100% chọn 6 = nước máy về tận nhà).

+ Tỷ lệ hộ dùng nước chưa hợp vệ sinh 0%) (1 = Nước mưa; 2 = Nước sông/hồ/suối).

- An ninh, trật tự: (1.5 điểm)

+ Mức độ an toàn, trật tự ở địa bàn đang sinh sống (90% chọn 3 = Rất an toàn).

+ Tỷ lệ người dân cho biết có thay đổi về mức độ an toàn theo hướng tốt lên sau 3 năm (95%).

+ Tỷ lệ người dân là nạn nhân của một trong 4 loại tội phạm về an ninh, trật tự (20%).

7. Quản trị môi trường: (5 điểm)

- Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường: (1.5 điểm)

+ Tỷ lệ doanh nghiệp tại địa phương có đưa hội lộ để trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

+ Báo cáo cấp có thẩm quyền khi xảy ra vấn đề môi trường.

+ Cấp có thẩm quyền đã giải quyết ngay vấn đề môi trường ông/bà đã thông báo.

- Chất lượng không khí: (2 điểm)

+ Thường xuyên đeo khẩu trang để tránh ô nhiễm không khí khi đi lại ở địa bàn nơi cư trú.

+ Chất lượng không khí nơi cư trú.

+ Chất lượng không khí nơi cư trú so với 03 năm trước.

- Chất lượng nguồn nước sinh hoạt: (1.5 điểm)

+ Nước từ sông/ kênh/ rạch/ suối gần nhà đủ sạch để uống.

+ Nước từ sông/ kênh/ rạch/ suối đủ sạch để giặt giũ.

+ Nhận thấy nước từ sông/ kênh/ rạch/ suối đủ sạch để uống.

8. Quản trị điện tử: (4 điểm)

- Sử dụng cổng thông tin điện tử của Chính quyền địa phương: (1.5 điểm)

+ Đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm chứng thực, xác nhận.

+ Đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm thủ tục cấp phép xây dựng.

+ Đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương: (1.5 điểm)

+ Tiếp cận tin tức trong nước qua Internet.

+ Có kết nối Internet tại nhà không.

- *Phúc đáp của chính quyền qua cổng thông tin điện tử: (1 điểm)*

+ Sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến ở địa phương khi làm thủ tục hành chính do cấp xã thực hiện.

+ Cổng thông tin điện tử của tỉnh, huyện dễ sử dụng cho tra cứu thông tin.

+ Chính quyền địa phương đăng tải dự thảo chính sách, pháp luật lên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến nhân dân.

+ Kênh Hỏi đáp trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương.

+ Chính quyền địa phương đã phúc đáp câu hỏi/yêu cầu của người dân.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2024 trên địa bàn thị trấn Phú Mỹ./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ huyện;

- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lý Minh Châu